

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

G9 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Văn Thới

Chủ tịch

Ông Phạm Văn Hùng

Ủy viên

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ủy viên (miễn nhiệm tháng 5/2013)

Ông Nguyễn Văn Tiến

Ủy viên (Bỏ nhiệm tháng 5/2013)

Ông Phạm Văn Đức

Ủy viên

Ông Nguyễn Đại Thụ

Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Duy Thập

Phó Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Thiên Kim

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đại Thụ

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Sơn Hải

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Tích

Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2014

Số: 57/2014/AEA-TC-NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2014 từ trang 04 đến trang 21, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Thắng
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số : 0307-2013-43-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Văn Vụ
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 0638-2013-43-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B01 - HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		146.933.056.629	167.858.697.917
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.555.758.776	4.776.354.580
1. Tiền	111	4	5.555.758.776	4.776.354.580
III. Các khoản phải thu	130		98.572.553.366	119.493.259.022
1. Phải thu của khách hàng	131		99.154.686.484	109.444.957.363
2. Trả trước cho người bán	132		799.011.324	861.429.056
5. Các khoản phải thu khác	135	5	9.931.211.332	10.261.147.848
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(11.312.355.774)	(1.074.275.245)
IV. Hàng tồn kho	140	6	35.395.779.683	37.525.402.149
1. Hàng tồn kho	141		35.395.779.683	37.525.402.149
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.408.964.804	6.063.682.166
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		476.437.608	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	6.932.527.196	6.063.682.166
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		40.598.257.666	34.263.245.497
II. Tài sản cố định	220		6.580.430.890	2.719.048.031
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	6.247.496.926	2.719.048.031
- Nguyên giá	222		28.482.321.984	27.340.828.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.234.825.058)	(24.621.780.830)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
- Nguyên giá	228		446.300.864	473.457.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(446.300.864)	(473.457.150)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		332.933.964	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		32.559.372.696	31.400.000.003
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	25.686.562.698	-
4. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	11	6.900.000.003	31.400.000.003
5. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		(27.190.005)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.458.454.080	144.197.463
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.458.454.080	144.197.463
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		187.531.314.295	202.121.943.414

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B01 - HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		134.008.356.208	149.927.501.763
I. Nợ ngắn hạn	310		132.661.869.253	149.249.734.444
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	9.276.997.049	6.253.572.000
2. Phải trả cho người bán	312		47.036.455.250	58.917.934.235
3. Người mua trả tiền trước	313		26.317.050.815	24.028.901.737
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	9.837.709.275	9.213.803.064
5. Phải trả công nhân viên	315		22.802.878.943	28.081.669.934
6. Chi phí phải trả	316	14	258.932.000	1.265.802.337
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	16.819.063.491	20.523.248.501
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		312.782.430	964.802.636
II. Nợ dài hạn	330		1.346.486.955	677.767.319
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	207.730.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		556.449.636	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		790.037.319	470.037.319
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		50.685.437.613	49.731.169.641
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	50.685.437.613	49.731.169.641
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.502.618.712	8.502.618.712
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(620.000)	(620.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.729.594.633	8.705.997.494
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.509.272.217	2.294.699.564
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.847.472.051	4.131.373.871
B. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		2.837.520.474	2.463.272.010
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		187.531.314.295	202.121.943.414



Lê Thị Lan Phương
Người lập



Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B02 – HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		86.475.198.057	105.672.876.377
2. Các khoản giảm trừ	02		567.944.896	224.952.227
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	85.907.253.161	105.448.824.150
4. Giá vốn hàng bán	11	18	63.850.308.844	90.147.253.661
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.056.944.317	15.301.570.489
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.706.802.494	151.570.399
7. Chi phí tài chính	22	20	1.227.148.578	2.040.361.139
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.098.692.921	1.886.423.774
8. Chi phí bán hàng	24		166.150.089	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.384.746.120	10.091.708.970
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		985.702.024	3.321.070.779
11. Thu nhập khác	31	21	5.564.083.467	5.468.114.475
12. Chi phí khác	32	22	2.241.587.974	2.619.357.871
13. Lợi nhuận khác	40		3.322.495.493	2.848.756.604
14. Lãi, lỗ trong công ty liên kết	45		1.520.196.908	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.828.394.425	6.169.827.383
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.690.667.436	2.252.459.487
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.137.726.989	3.917.367.896
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số			(177.371.103)	(183.308.290)
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			4.315.098.092	4.100.676.186
21. Lãi trên cổ phiếu	70	23		1.610



Lê Thị Lan Phương
Người lập



Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng




Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B03 - HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	96.192.937.698	80.611.599.919
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.716.752.690)	(11.037.644.641)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(43.503.354.929)	(37.235.396.279)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.005.851.144)	(1.886.423.774)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(2.417.029.324)	(574.891.848)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.415.158.114	122.660.453
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.153.271.390)	(29.847.419.983)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.188.163.665)	152.483.847
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(386.211.091)	(1.033.163.635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	72.580.000	185.840.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.034.044.240)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55.258.161	101.566.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.741.627.070	(7.779.800.993)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.140.766.704	8.612.654.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.475.071.655)	(6.358.085.472)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.456.400.230)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	209.294.819	2.254.568.528
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	762.758.224	(5.372.748.618)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.776.354.580	10.149.067.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	16.645.972	36.165
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.555.758.776	- 4.776.354.580


Lê Thị Lan Phương
Người lập


Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng




Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 ngày 23/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và đăng ký kinh doanh thay đổi lần 13 theo số 0100105454 ngày 29/8/2013. Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh của Công ty là 26.097.100.000 đồng, tương ứng với 2.609.700 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SDC.

Trụ sở chính của Công ty tại G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có 08 chi nhánh trực thuộc.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- ✓ Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn các công trình .
- ✓ -Thí nghiệm để xác định các chỉ tiêu cơ lí của đất, đá, nền móng và vật liệu xây dựng các công trình xây dựng.
- ✓ Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi , thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với : Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị .
- ✓ Thiết kế các công trình thủy công, thủy điện .
- ✓ Thiết kế nhà máy thủy điện.
- ✓ Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- ✓ Thiết kế công trình cấp thoát nước
- ✓ Thiết kế cơ - điện công trình
- ✓ Thiết kế kết cấu đối với : công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- ✓ Thiết kế điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- ✓ Lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Thẩm định Thiết kế và Tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi , thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A
- ✓ Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A .
- ✓ Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Trang trí nội thất.
- ✓ Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố các công trình xây dựng, khoan phun và xử lý nền móng các công trình xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

- ✓ Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp .
- ✓ Thiết kế các công trình thủy lợi.
- ✓ Thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ .
- ✓ Thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ .
- ✓ Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân .
- ✓ Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; SX nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai
- ✓ SX nước đá và kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết đóng chai, nước khoáng PV sinh hoạt và công nghiệp

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của 2 công ty con – Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật Việt Nam – Canada, Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Nông thôn Sông Đà và công ty liên kết – Công ty cổ phần thủy điện Đắk Đa.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng năm.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty mẹ với công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt, vàng tồn quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; Năm 2013, Công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC trong việc trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 trong các kỳ kế toán trước. Việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC không làm thay đổi mức trích khấu hao của các tài sản cố định được Công ty đang áp dụng Tiêu thức xác định nguyên giá tài sản cố định của Công ty được điều chỉnh lại phù hợp với quy định mới. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Phương tiện vận tải

06 - 10

Dụng cụ quản lý

03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập khác mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tỷ giá ngoại tệ của các khoản mục tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá sau đó được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31/12/2013 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	143.123.301	186.201.183
Tiền gửi ngân hàng	5.412.635.475	4.590.153.397
Cộng	5.555.758.776	4.776.354.580

5. Phải thu khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	7.034.044.240	7.034.044.240
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoá	1.347.220.967	1.870.594.705
Khác	1.549.946.125	1.356.508.903
Cộng	9.931.211.332	10.261.147.848

6. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.186.444	8.382.203
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.358.738.771	37.517.019.946
Thành phẩm	1.854.468	-
Cộng	35.395.779.683	37.525.402.149
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	35.395.779.683	37.525.402.149

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ký quỹ ngắn hạn	798.627.680	787.726.117
Tạm ứng	6.133.899.516	5.275.956.049
Cộng	6.932.527.196	6.063.682.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	5.788.013.550	12.102.843.742	8.827.647.312	581.769.712	40.554.545	27.340.828.861
Mua trong kỳ	-	776.754.541	-	39.500.000	-	816.254.541
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	2.779.431.045	1.871.492.423	-	-	-	4.650.923.468
Thanh lý, nhượng bán	-	(354.738.000)	(517.873.833)	-	-	(872.611.833)
Giảm khác	-	(2.973.866.585)	(55.563.454)	(383.088.469)	(40.554.545)	(3.453.073.053)
Tại ngày 31/12/2013	8.567.444.595	11.422.486.121	8.254.210.025	238.181.243	-	28.482.321.984
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	5.788.013.550	10.132.733.353	8.149.077.658	513.680.365	38.275.904	24.621.780.830
Khấu hao trong năm	145.665.384	793.381.250	254.868.059	26.997.049	2.278.641	1.223.190.383
Tăng khác	277.943.112	155.957.700	-	-	-	433.900.812
Thanh lý, nhượng bán	-	(354.738.000)	(517.873.833)	-	-	(872.611.833)
Giảm khác	-	(2.736.868.747)	(53.607.381)	(340.404.461)	(40.554.545)	(3.171.435.134)
Tại ngày 31/12/2013	6.211.622.046	7.990.465.556	7.832.464.503	200.272.953	-	22.234.825.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2013	-	1.970.110.389	678.569.654	68.089.347	2.278.641	2.719.048.031
Tại ngày 31/12/2013	2.355.822.549	3.432.020.565	421.745.522	37.908.290	-	6.247.496.926

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 18.750.030.877 đồng (tại ngày 01/01/2013 là: 21.952.892.699 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Nhãn hiệu hàng hóa</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	396.300.864	77.156.286	473.457.150
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	(27.156.286)	(27.156.286)
Tại ngày 31/12/2013	396.300.864	50.000.000	446.300.864
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	396.300.864	77.156.286	473.457.150
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	(27.156.286)	(27.156.286)
Tại ngày 31/12/2013	396.300.864	50.000.000	446.300.864
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	-	-	-

10. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	25.686.562.698	-
Cộng	<u>25.686.562.698</u>	<u>-</u>

11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng -Karatie (*)	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (**)	1.500.000.003	1.500.000.003
Khác	3.000.000.000	3.500.000.000
Cộng	<u>6.900.000.003</u>	<u>31.400.000.003</u>

(*) Khoản đầu tư ủy thác qua Tổng công ty Sông Đà

(**) Công ty đang nắm giữ 172.500 cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	9.246.997.049	6.091.572.000
Vay cá nhân	30.000.000	162.000.000
Cộng	9.276.997.049	6.253.572.000

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng. 01/2013/HĐTDHM/NHCT-127-CTCPTVSD ngày 01/08/2013.

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	4.127.061.123	4.652.879.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.429.738.269	2.156.100.157
Thuế thu nhập cá nhân	710.608.377	461.008.084
Các loại thuế khác	3.570.301.506	1.943.815.574
Cộng	9.837.709.275	9.213.803.064

14. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập HDQT và Ban kiểm soát	93.000.000	-
Chi phí của các công trình	-	753.320.227
Khác	165.932.000	512.482.110
Cộng	258.932.000	1.265.802.337

15. Các khoản phải trả phải nộp khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	800.302.040	1.297.756.588
Bảo hiểm xã hội	604.168.997	1.734.317.973
Bảo hiểm thất nghiệp	165.521.653	189.587.063
Các khoản phải trả phải nộp khác	15.249.070.801	17.301.586.877
Cổ tức phải trả	2.609.710.000	2.609.821.600
Thuế Doanh thu 5% phải nộp bên Lào	-	4.531.404.299
Tiền bảo hành	5.174.932.588	1.596.728.838
Khác	7.464.428.213	8.563.632.140
Cộng	16.819.063.491	20.523.248.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	21.750.000.000	11.876.276.463	(620.000)	8.189.712.028	2.026.762.458	5.667.938.745	49.510.069.694
Tăng trong năm	4.347.100.000	-	-	4.863.385.466	267.937.106	4.095.966.826	13.574.389.398
Tăng vốn trong năm	4.347.100.000	-	-	-	-	-	4.347.100.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	4.095.966.826	4.095.966.826
Tăng khác	-	-	-	4.863.385.466	267.937.106	-	5.131.322.572
Giảm trong năm	-	3.373.657.751	-	4.347.100.000	-	5.632.531.700	13.353.289.451
Giảm khác	-	3.373.657.751	-	4.347.100.000	-	5.632.531.700	13.353.289.451
Tại ngày 31/12/2012	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	8.705.997.494	2.294.699.564	4.131.373.871	49.731.169.641
Tăng trong năm	-	-	-	1.023.597.139	214.572.653	4.315.098.092	5.553.267.884
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	4.315.098.092	4.315.098.092
Tăng do trích lập các quỹ	-	-	-	858.290.612	214.572.653	-	1.072.863.265
Tăng khác	-	-	-	165.306.527	-	-	165.306.527
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	4.598.999.912	4.598.999.912
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	4.291.453.059	4.291.453.059
Giảm khác	-	-	-	-	-	307.546.853	307.546.853
Tại ngày 31/12/2013	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	9.729.594.633	2.509.272.217	3.847.472.051	50.685.437.613

Theo Nghị quyết số 18 NQ/2013/ĐHĐCĐ ngày 27/05/2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 của Công ty như sau: Chia cổ tức 2.609.710.000 đồng tương ứng với 10% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 608.879.795 đồng tương ứng 14%, trích quỹ dự phòng tài chính 214.572.653 đồng tương ứng 5%, quỹ Đầu tư phát triển 858.290.612 đồng tương ứng 20%. Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty chưa thanh toán tiền cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 01/01/2013	
	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)
Cổ đông nhà nước	13.311.000.000	51,01%	13.311.000.000	51,01%
Cổ đông khác	12.786.100.000	48,99%	12.786.100.000	48,99%
Cộng	26.097.100.000	100,00%	26.097.100.000	100,00%

Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	2.609.710	2.609.710
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.609.710</i>	<i>2.609.710</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu mua lại	62	62
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.609.648</i>	<i>2.609.648</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

17. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.475.198.057	105.672.876.377
Cộng	86.475.198.057	105.672.876.377
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	567.944.896	224.052.227
Doanh thu thuần	85.907.253.161	105.448.824.150

18. Giá vốn

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn dịch vụ	63.850.308.844	90.147.253.661
Cộng	63.850.308.844	90.147.253.661

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.637.345	101.566.882
Chênh lệch tỷ giá	1.106.523.099	50.003.517
Lợi nhuận góp vốn	-	-
Hoạt động tài chính khác	1.548.642.050	-
Cộng	2.706.802.494	151.570.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

20. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.098.692.921	1.886.423.774
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư	27.190.005	-
Chi phí tài chính khác	101.265.652	153.937.365
Cộng	1.227.148.578	2.040.361.139

21. Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	2.377.042.359	-
Thu nhập khác	3.187.041.108	5.468.114.475
Cộng	5.564.083.467	5.468.114.475

22. Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	351.950.000	531.960.000
Phạt chậm nộp thuế	1.889.239.006	2.077.397.871
Chi phí khác	398.968	10.000.000
Cộng	2.241.587.974	2.619.357.871

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.315.098.092	4.100.676.186
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.315.098.092	4.100.676.186
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.609.748	2.546.526
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.653	1.610

24. Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng		
Tổng công ty Sông Đà	332.566.200	-
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng công ty Sông Đà	4.588.429.694	4.588.429.694
Phải trả		
Tổng công ty Sông Đà	2.826.625.146	1.685.892.811
Thu nhập các thành viên Ban giám đốc như sau		
	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.041.493.755	1.057.403.776

25. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.



Lê Thị Lan Phương
Người lập



Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2014